

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

V/v kiểm tra các yêu cầu về môi trường sư phạm, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện và cán bộ quản lý theo yêu cầu của chương trình đào tạo

Hôm nay, ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trường Cao đẳng Công nghiệp Huế  
Chúng tôi gồm:

- Đoàn kiểm tra của trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội - cơ sở chủ trì đào tạo (thành lập theo Quyết định số 1712/QĐ-ĐHCNTMHN ngày 18 tháng 8 năm 2025)

1. TS. Hoàng Xuân Hiệp, Chủ tịch hội đồng
2. TS. Nguyễn Thu Phụng, Ủy viên hội đồng
3. ThS. Phùng Thị Hạnh, Ủy viên hội đồng
4. ThS. Ngô Thị Thanh Mai, Ủy viên hội đồng
5. ThS. Nghiêm Thị Hoài, Ủy viên hội đồng
6. ThS. Nguyễn Văn Anh, Ủy viên hội đồng
7. ThS. Phùng Thị Ái, Ủy viên hội đồng
8. ThS. Nguyễn Hữu Sơn, Ủy viên hội đồng
9. TS Nguyễn Quang Thắng, Thư ký hội đồng.

- Bên trường Cao đẳng Công nghiệp Huế - cơ sở phối hợp đào tạo, gồm có:

1. Ông: Trần Hữu Châu Giang, chức vụ Bí thư Đảng ủy, Quyền Hiệu trưởng
2. Ông: Trần Đức Hải, chức vụ: Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính

Đã tiến hành kiểm tra các điều kiện về môi trường sư phạm, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện và cán bộ quản lý theo yêu cầu của chương trình đào tạo ngành Công nghệ may nội dung kiểm tra cụ thể như sau:

1. Các nội dung kiểm tra

1.1. Cơ sở vật chất

1.1.1 Phòng học thực hành và các loại thiết bị, máy móc hiện có

| TT | Tên loại            | Đơn vị tính | Số lượng/ diện tích               | Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy |              |                  | Đáp ứng/ không đáp ứng yêu cầu |
|----|---------------------|-------------|-----------------------------------|------------------------------------------------|--------------|------------------|--------------------------------|
|    |                     |             |                                   | Tên thiết bị                                   | Số lượng     | Phục vụ học phần |                                |
| 1  | Phòng học lý thuyết | Phòng       | 40 phòng/50m <sup>2</sup> 1 phòng | Bàn, ghế                                       | 25 bàn/phòng | Lý thuyết        | Đáp ứng yêu cầu                |
|    |                     |             |                                   | Bảng viết phấn 1,2m x 3,6m                     | 40           | Lý thuyết        | Đáp ứng yêu cầu                |
|    |                     |             |                                   | Ti vi                                          | 40           | Lý thuyết        | Đáp ứng yêu cầu                |

| TT | Tên loại          | Đơn vị tính | Số lượng/<br>diện tích | Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy |              |                  | Đáp ứng/<br>không đáp ứng yêu cầu |
|----|-------------------|-------------|------------------------|------------------------------------------------|--------------|------------------|-----------------------------------|
|    |                   |             |                        | Tên thiết bị                                   | Số lượng     | Phục vụ học phần |                                   |
| 2  | Phòng máy vi tính | Phòng       | 8 phòng/25 máy/phòng   | Máy tính                                       | 25 máy/phòng | Thực hành        | Đáp ứng yêu cầu                   |
|    |                   |             |                        | Tivi                                           | 25           | Thực hành        | Đáp ứng yêu cầu                   |
|    |                   |             |                        | Hệ thống mạng internet                         |              |                  | Đáp ứng yêu cầu                   |

1.1.2 Cơ sở thực hành, thực tập (đơn vị tính: xưởng, trạm, sân bãi,...)

| TT | Cơ sở thực hành, thực tập | Đơn vị tính | Số lượng/<br>diện tích | Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành |                          |                                                  | Ghi chú         |
|----|---------------------------|-------------|------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------------------------------|-----------------|
|    |                           |             |                        | Tên thiết bị                                               | Số lượng                 | Phục vụ học phần                                 |                 |
| 1  | Sân bãi                   |             | 4                      | Sân bóng đá                                                | 1/6000m <sup>2</sup>     | Phục vụ học tập bóng đá và các môn thể thao khác | Đáp ứng yêu cầu |
|    |                           |             |                        | Sân bóng chuyền                                            | 1/300m <sup>2</sup>      | Phục vụ môn bóng chuyền, bóng rổ                 |                 |
|    |                           |             |                        | Sân pickleball                                             | 9/200m <sup>2</sup> /Sân | Phục vụ môn pickleball                           |                 |
|    |                           |             |                        | Nhà thi đấu                                                | 1/400m <sup>2</sup>      | Phục vụ các môn thể thao trong nhà và hoạt động  |                 |

1.1.3 Thư viện và học liệu (giáo trình, sách, tài liệu tham khảo, phần mềm máy tính...)

- Thư viện: 01 Thư viện với diện tích 200 m<sup>2</sup>.

- Bảng kê khai giáo trình tài liệu giảng dạy

| T<br>T | Tên giáo trình/sách/tài liệu | Tên tác giả           | Nhà xuất bản | Năm xuất bản | Số bản | Sử dụng cho học phần |
|--------|------------------------------|-----------------------|--------------|--------------|--------|----------------------|
| 1      | Vật lý đại cương             | Lương Duyên Bình      | Giáo dục     | 2009         | in     | Vật lý               |
| 2      | Hoá đại cương                | Nguyễn Đình Soa       | ĐHQG TPHCM   | 2017         | in     | Hoá học              |
| 3      | Toán học Cao cấp             | Nguyễn Đình Trí       | Giáo dục     | 2006         | in     | Toán ứng dụng        |
| 4      | Giáo trình bóng chuyền       | PGS.TS Lưu Quang Hiệp | TĐTT         | 2007         | In     | Giáo dục thể chất    |

|    |                                                                                              |                           |                          |      |    |                                |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------|------|----|--------------------------------|
| 5  | Pháp luật đại cương                                                                          | Lê Minh Toàn              | Chính trị Quốc gia       | 2019 | in | Pháp luật đại cương            |
| 6  | Solutions Pre-Intermediate (3rd Edition)                                                     | Tim Falla & Paul A Davies | Oxford University Press  | 2018 | in | Tiếng Anh cơ bản               |
| 7  | Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin (dùng cho bậc Đại học không chuyên lý luận chính trị) | Bộ GD và ĐT               | Nhà xuất bản CTQG        | 2021 | in | Kinh tế chính trị Mác – Lênin  |
| 8  | Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dùng cho bậc Đại học không chuyên lý luận chính trị)   | Bộ GD và ĐT               | Nhà xuất bản CTQG        | 2021 | in | Chủ nghĩa xã hội khoa học      |
| 9  | Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản VN (dùng cho bậc Đại học không chuyên lý luận chính trị)    | Bộ GD và ĐT               | Nhà xuất bản CTQG        | 2021 | in | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam |
| 10 | Giáo trình triết học Mác-Lênin (dùng cho bậc Đại học không chuyên lý luận chính trị)         | Bộ GD và ĐT               | Nhà xuất bản CTQG        | 2021 | in | Triết học Mác – Lênin          |
| 11 | Kỹ thuật Nhiệt                                                                               | Võ Chí Chính              | NXB Khoa học và Kỹ thuật | 2006 | in | Kỹ thuật Nhiệt - Điện          |
| 12 | Kỹ thuật Nhiệt                                                                               | Võ Chí Chính              | NXB Khoa học và Kỹ thuật | 2006 | in | Kỹ thuật Nhiệt - Điện          |

### 1.2. Danh sách cán bộ quản lý

| TT | Họ tên              | Năm sinh | Trình độ chuyên môn | Chức vụ / chức danh | Công việc quản lý       | Đơn vị công tác | Đáp ứng/ không đáp ứng yêu cầu |
|----|---------------------|----------|---------------------|---------------------|-------------------------|-----------------|--------------------------------|
| 1  | Hoàng Thị Thu Hường | 1983     | Đại học             | Chuyên viên         | Phụ trách mảng liên kết | Phòng Đào Tạo   | Đáp ứng                        |

### 1.3. Danh sách giảng viên cơ hữu

| TT | Họ tên giảng viên     | Năm sinh | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành      | Học phần giảng dạy             | Đơn vị công tác           |
|----|-----------------------|----------|---------------------|-------------------|--------------------------------|---------------------------|
| 1  | Nguyễn Hoàng Anh Khoa | 1980     | Thạc sĩ             | Toán              | Toán ứng dụng                  | Trường CĐ Công nghiệp Huế |
| 2  | Trương Thị Ngọc Tuyết | 1978     | Thạc sĩ             | Pháp luật         | Pháp luật                      | Trường CĐ Công nghiệp Huế |
| 3  | Nguyễn Văn Tiến       | 1984     | Thạc sĩ             | GDTC              | Giáo dục thể chất              | Trường CĐ Công nghiệp Huế |
| 4  | Trần Thị Quỳnh Như    | 1984     | Thạc sĩ             | Tiếng Anh         | Tiếng Anh cơ bản               | Trường CĐ Công nghiệp Huế |
| 5  | Hoàng Đức Diễn        | 1974     | Thạc sĩ             | Triết học         | Triết học Mác – Lênin          | Trường CĐ Công nghiệp Huế |
| 6  | Giáp Nguyên Nhật      | 1986     | Thạc sĩ             | Kinh tế chính trị | Kinh tế chính trị Mác – Lênin  | Trường CĐ Công nghiệp Huế |
| 7  | Giáp Nguyên Nhật      | 1986     | Thạc sĩ             | Kinh tế chính trị | Chủ nghĩa xã hội khoa học      | Trường CĐ Công nghiệp Huế |
| 8  | Hoàng Đức Diễn        | 1974     | Thạc sĩ             | Triết học         | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam | Trường CĐ Công nghiệp Huế |
| 9  | Giáp Nguyên Nhật      | 1986     | Thạc sĩ             | Kinh tế chính trị | Tư tưởng Hồ Chí Minh           | Trường CĐ Công nghiệp Huế |
| 10 | Đoàn Nam Hữu          | 1975     | Thạc sĩ             | Vật lý            | Vật lý                         | Trường CĐ Công nghiệp Huế |
| 11 | Võ Thị Thanh Kiều     | 1986     | Thạc sĩ             | Hoá học           | Hóa học                        | Trường CĐ Công nghiệp Huế |
| 12 | Hoàng Chí Dũng        | 1980     | Thạc sĩ             | CNTT              | Tin học đại cương              | Trường CĐ Công nghiệp Huế |

| TT | Họ tên giảng viên | Năm sinh | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành   | Học phần giảng dạy   | Đơn vị công tác           |
|----|-------------------|----------|---------------------|----------------|----------------------|---------------------------|
| 13 | Nguyễn Thị Hồng   | 1986     | Tiến sĩ             | Kỹ thuật Nhiệt | Kỹ thuật nhiệt, điện | Trường CĐ Công nghiệp Huế |

**1.4. Phòng nghỉ giảng viên:** 01 phòng (phòng nghỉ được trang bị bàn ghế, quạt, nước uống....) với diện tích 20m<sup>2</sup>.

**1.5. Phòng sinh hoạt chung của sinh viên:** 02 phòng với diện tích 50m<sup>2</sup>.

**1.6. Các điều kiện khác**

- Ký túc xá với các tiện nghi khép kín, có sức chứa 400 chỗ.
- Hội trường: 01 hội trường 80 chỗ và 01 hội trường 300 chỗ.
- Khu phục vụ thể thao, giáo dục quốc phòng và an ninh: sân tập thể thao ngoài trời và 01 nhà thi đấu đa năng.
- Nhà ăn, sân chơi đáp ứng nhu cầu học tập, sinh hoạt của SV: căn tin đảm bảo yêu cầu ăn uống và sinh hoạt.

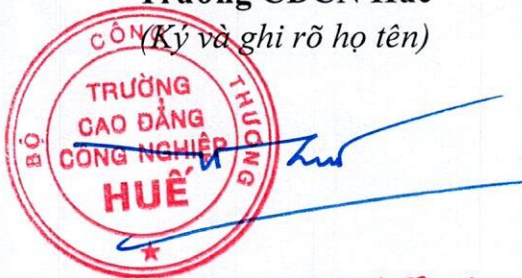
**2. Kết luận của Đoàn kiểm tra**

Thông qua kết quả kiểm tra, đoàn kiểm tra nhận thấy Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế đủ điều kiện liên kết đào tạo đại học với Trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội ngành Công nghệ may. Quyền và trách nhiệm của các bên trong việc phối hợp tổ chức thực hiện, quản lý quá trình dạy học được thể hiện trong hợp đồng liên kết đào tạo.

**Đại diện cơ sở phối hợp**

**Trường CĐCN Huế**

(Ký và ghi rõ họ tên)



*Hoàng Minh Tuấn*

**Đại diện đoàn kiểm tra trường**

**Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội**

(Ký và ghi rõ họ tên)



*TS. Hoàng Xuân Hiệp*